

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-PT

Ngày: 20-7-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐ-PT ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đình Tr, sinh năm 1957. Địa chỉ: đường PHT, Phường 7, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Đặng Xuân C, sinh năm 1950. Địa chỉ: thôn PT, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2.2 Bà Trần Thị M. Địa chỉ: PNL, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Mạnh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: TVD, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Đình Tr- nguyên đơn

(*Ông Tr có mặt tại phiên tòa, các đương sự khác vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2014, ngày 13/01/2015, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Hải Đ trình bày: Do quan hệ quen biết ông Phạm Đình Tr có cho ông bà Đặng Xuân C, Trần Thị M mượn tiền nhiều lần bằng hình thức thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng để ông C, bà M làm ăn. Từ ngày 22/01/2014 đến ngày 20/8/2014 ông Tr đã chuyển tiền qua tài khoản số 5402205136768 tại Ngân hàng Agribank cho ông bà C, M vay 24 lần với tổng số tiền là 302.500.000đ. Cụ thể: Ngày 22/01/2014 chuyển 15.000.000đ; ngày 11/02/2014 chuyển 42.000.000đ; ngày 21/02/2014 chuyển 37.000.000đ; ngày 04/03/2014 chuyển 12.000.000đ; ngày 07/03/2014 chuyển 10.000.000đ; ngày 13/03/2014 (02 chứng từ) chuyển 12.000.000đ; ngày 28/4/2014 chuyển 10.500.000đ; ngày 19/5/2014 chuyển 8.000.000đ; ngày 21/5/2014 chuyển 4.500.000đ; ngày 28/5/2014 chuyển 8.000.000đ; ngày 06/6/2014 chuyển 15.000.000đ; ngày 09/6/2014 chuyển 12.000.000đ; ngày 11/6/2014 chuyển 11.000.000đ; ngày 20/6/2014 chuyển 13.000.000đ; ngày 24/6/2014 chuyển 12.000.000đ; ngày 01/7/2014 chuyển 18.000.000đ; ngày 10/7/2014 chuyển 7.000.000đ; ngày 25/7/2014 chuyển 17.000.000đ (thời hạn mượn 01 tháng); ngày 28/7/2014 chuyển 18.500.000đ (thời hạn mượn 10 ngày); ngày 06/8/2014 chuyển 5.000.000đ (thời hạn mượn 10 ngày); ngày 12/8/2014 chuyển 6.000.000đ (thời hạn mượn 05 ngày); ngày 13/8/2014 chuyển 4.000.000đ (thời hạn mượn 05 ngày); ngày 20/8/2014 chuyển 5.000.000đ (thời hạn mượn 07 ngày). Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/số tiền vay, tuy có một số chứng từ ấn định ngày trả nhưng hai bên thỏa thuận thời hạn vay không ấn định, khi nào ông Tr có nhu cầu đòi nợ sẽ báo trước một tháng thì ông bà C, M thu xếp trả nợ. Tuy nhiên, từ sau khi vay tiền đến nay ông bà C, M chưa trả cho ông Tr đồng nào gốc và lãi. Khi ông Tr có nhu cầu đòi nợ đã báo cho ông bà C, M nhưng ông C, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ông Đặng Xuân C, bà Trần Thị M phải trả cho ông khoản tiền nợ gốc là 302.500.000đ và tiền lãi của khoản nợ vay kể từ khi vay cho đến ngày Tòa xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 bị đơn ông Đặng Xuân C trình bày: Nơi cư trú của ông trước đây tại số nhà 18, PNL, thị trấn LN, huyện ĐT, hiện nay ông đang sinh sống tại thôn PT, xã PH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Từ trước đến nay ông không quen biết và không vay tiền của ông Phạm Đình Tr cũng như không có quan hệ gì với bà Trần Thị M. Việc ông Phạm Đình Tr khởi kiện ông cùng bà M phải trả số tiền nợ 302.500.000đ ông không đồng ý.

3. *Tại bản tự khai ngày 20/12/2019 người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Mạnh T trình bày:* Bố của ông là Đặng Xuân C, mẹ là Phan Thị Hữu H. Ông là con trai của ông Đặng Xuân C. Vào năm 2013 do ông làm ăn buôn bán có mượn thẻ ATM có số tài khoản mở tại Ngân hàng Agribank Lâm Đồng II do bố ông là Đặng Xuân C chủ tài khoản để giao dịch làm ăn vì thời gian này bố ông không trực tiếp sử dụng. Trong thời gian này có bà Nguyễn Thị M là nhân viên làm công tại quán của ông nên bà M có nhờ tài khoản này để ông Tr chuyển tiền cho bà, mỗi lần ông Tr chuyển tiền thì bà M nhờ ông chở bà đi và dùng thẻ ATM này rút tiền giùm sau đó bà đã trực tiếp nhận toàn bộ số tiền mà ông Tr chuyển cho bà. Ông không biết cụ thể quan hệ và việc vay mượn tiền giữa bà M và ông Tr. Hiện nay bà Nguyễn Thị M không còn làm công ở quán của ông và sinh sống ở đâu ông không rõ. Riêng bà Trần Thị M là ai không không biết. Nên việc quan hệ vay mượn tiền giữa ông Tr và bà M, ông và bố ông Đặng Xuân C không liên quan.

Tòa án đã Thông báo thụ lý giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện đòi nợ do ông Phạm Đình Tr khởi kiện theo quy định của pháp luật cho bị đơn ông Đặng Xuân C, bà Trần Thị M biết có nghĩa vụ nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cung cấp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn theo quy định của pháp luật để Tòa có cơ sở giải quyết vụ án, nhưng ông Đặng Xuân C có văn bản trình bày không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Tr còn bà M vắng mặt không có ý kiến yêu cầu gì. Tòa án đã Thông báo triệu tập các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà M vắng mặt cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 26/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình Tr đối với phần yêu cầu khởi kiện bị đơn ông Đặng Xuân C.

Đình chỉ giải quyết vụ án phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình Tr đối với yêu cầu khởi kiện bị đơn bà Trần Thị M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 302.500.000đ.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đình Tr. Hoàn trả cho ông Phạm Đình Tr số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.562.500đ theo Biên lai thu số AA/2013/0003100 ngày 23/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 13/4/2020, nguyên đơn ông Phạm Đình Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện buộc ông C, bà M phải trả số tiền nợ gốc là 302.500.000đ và lãi suất theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc chuyển tiền vào ngày 22/01/2014 và ngày 11/02/2014 với số tiền 57.000.000đ, không chấp nhận đối với việc chuyển tiền từ ngày 21/02/2014 đến 20/8/2014 số tiền 245.500.000đ, các phần khác giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Từ ngày 22/01/2014 đến ngày 20/8/2014 ông Phạm Đình Tr đã 24 lần chuyển tiền qua tài khoản số 5402205136768 tại Ngân hàng Agribank do ông Đặng Xuân C là chủ tài khoản cho ông Đặng Xuân C, bà Trần Thị M vay với tổng số tiền 302.500.000đ. Nhưng sau đó ông C, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên ông Tr khởi kiện yêu cầu ông C, bà M trả 302.500.000đ nợ gốc và lãi. Ông C cho rằng từ trước đến nay ông không quen biết và không vay tiền của ông Tr cũng như không có quan hệ gì với bà M nên ông không đồng ý trả nợ. Bà M chưa xác định được nhân thân lai lịch nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn ông Đặng Xuân C, bà Trần Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Đình Tr:

[2.1] Về tố tụng: Ông Tr cho rằng cấp sơ thẩm không gửi giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông. Xét thấy tại giai đoạn sơ thẩm ông Tr đã uỷ quyền cho ông Huỳnh Hải Đ tham gia tố tụng. Do đó trong quá trình giải quyết vụ án Toà án chỉ cần tổng đạt cho người đại diện của nguyên đơn mà

không nhất thiết phải tổng đạt cho nguyên đơn. Việc tổng đạt cho người đại diện của nguyên đơn được thực hiện theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án chỉ tổng đạt cho nguyên đơn khi việc ủy quyền tham gia tố tụng giữa nguyên đơn và người đại diện của họ chấm dứt hoặc việc tổng đạt liên quan đến những nội dung không thuộc phạm vi ủy quyền. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tr.

[2.2] Về nội dung: Từ ngày 22/01/2014 đến ngày 20/8/2014 ông Tr đã chuyển tiền qua số tài khoản 5402205136768 tại Ngân hàng Agribank 24 lần với tổng số tiền là 302.500.000đ. Trong đó chứng từ ngày 22/01/2014 chuyển số tiền 15.000.000đ và ngày 11/02/2014 chuyển số tiền 42.000.000đ nội dung chuyển tiền bỏ trống. Toàn bộ chứng từ còn lại nội dung chuyển tiền ghi cho cô M vay. Kết quả xác minh của Công an huyện Đức Trọng xác định ông Đặng Xuân C là chủ tài khoản số 5402205136768 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng II (*trước đây là Agribank huyện Đức Trọng*) vào năm 2012. Ngày 23/7/2012 ông C là người trực tiếp nhận thẻ. Ngày 23/7/2012 Ngân hàng bàn giao thẻ ghi nợ (ATM) của số tài khoản trên của ông C (BI 239). Năm 2013 ông C và vợ là Phan Thị Hữu H đưa số tài khoản cùng thẻ ATM của ông C cho con trai là Đặng Mạnh T sử dụng để làm ăn. Từ cuối năm 2013 đến cuối năm 2014, vợ chồng ông T quen biết và có thuê một người phụ nữ tên M (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) làm phục vụ cho quán nhậu hải sản của gia đình. Trong khoảng thời gian này bà M có quen biết một người đàn ông tên Trg (*sau này xác định là ông Phạm Đình Tr, sinh năm 1957, địa chỉ: PHT, Phường 7, Bà Rịa-Vũng Tàu*) và hai người có liên hệ với nhau qua điện thoại. Ông Tr hỏi M có cần tiền sử dụng thì ông Tr sẽ gửi tiền cho M. Do không có tài khoản ngân hàng nên bà M mượn số tài khoản của ông T. Ông T cho bà M biết số tài khoản ngân hàng của ông C do anh T đang sử dụng thẻ ATM này để ông Tr chuyển tiền cho bà M. Sau đó ông Tr đã nhiều lần chuyển tiền cho M với hình thức nộp tiền vào tài khoản từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đức Trọng vào số tài khoản 5402205136768 mang tên chủ tài khoản là Đặng Xuân C mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đức Trọng. Sau khi được ông Tr chuyển tiền, bà M nhờ ông T đến một cây ATM trên địa bàn thị trấn Liên Nghĩa để rút tiền đưa bà cho M. Toàn bộ số tiền 302.500.000đ của ông Tr chuyển vào tài khoản của ông C đã được Ngân hàng báo có theo sổ phụ tên khách hàng Đặng Xuân C và đã được rút ra. Do đó, số tiền ông Tr chuyển tiền vào số tài khoản của ông C là có xảy ra trên thực tế. Ông Tr khẳng định bà M

ông khởi kiện cũng chính là bà M mà ông T đã cho mượn số tài khoản của ông C để ông Tr chuyển tiền. Như vậy, các bên đều thừa nhận số tiền ông Tr chuyển đến đều chuyển vào số tài khoản ông C đứng tên, các bên chỉ không thống nhất khoản tiền ông Tr chuyển đến ai là người nhận và sử dụng.

Vì vậy, chủ thẻ ATM phải chịu trách nhiệm về việc đã không quản lý, sử dụng tài khoản của mình đúng quy định của pháp luật, để cho ông T và bà M sử dụng thông tin liên quan đến tài khoản của mình gây thiệt hại cho ông Tr, nên cần buộc ông C trả cho ông Tr số tiền 302.500.000đ gốc (*sau này nếu ông C, ông T chứng minh được khoản tiền do ông Tr chuyển vào tài khoản ông C, ông T là người quản lý số tài khoản và đã rút toàn bộ số tiền ông Tr chuyển đưa cho bà M thì ông C có quyền khởi kiện bà M, yêu cầu trả lại số tiền trên*).

Đối với khoản tiền lãi; Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo uỷ quyền của ông Tr đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tr chỉ yêu cầu bị đơn hoàn lại số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi, do đó cấp sơ thẩm không xem xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần lãi suất của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Tr, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông Tr không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Tr số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Ông C phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, ông C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Đình Trọng, sửa bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình Trọng. Buộc ông Đặng Xuân C trả cho ông Phạm Đình Tr 302.500.000đ (*ba trăm lẻ hai triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Hoàn trả cho ông Phạm Đình Tr số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.562.500đ theo Biên lai thu số AA/2013/0003100 ngày 23/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Xuân C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh LĐ (1);
- TAND H. Đức Trọng (2);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Vân